

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-8-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Văn Bình.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt anh H, vắng mặt chị T)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong suốt thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm và suy nghĩ nên thường

xuyên cãi nhau. Từ tháng 01/2022, anh và chị T không còn sống chung nhà cũng như quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống tự ai nấy lo.

Nay xét tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M, sinh ngày 08/3/2020. Hiện cháu còn nhỏ và đang sống với anh. Anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.*

*\* Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật, anh chị đã có thời gian sống ly thân, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt thể hiện chị T không muốn hàn gắn với anh H, từ đó xác định mục đích hôn nhân giữa chị T và anh H không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh H là có cơ sở. Về con chung: anh H và chị T có 01 con chung hiện đang sống với anh H, nên anh H xin trực tiếp nuôi con là phù hợp, về tài sản chung anh H yêu cầu để tự thỏa thuận, nợ chung không có. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp T, xã B, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Anh H cho rằng anh và chị T có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung, anh H và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên M, sinh ngày 08/3/2020 hiện đang sống với anh H. Ly hôn, anh H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của anh H:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 15/01/2019, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh H nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài, chị T và anh H đã có thời gian sống ly thân. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh H đã không đạt được. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho chị T các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án để hòa giải và xét xử nhưng chị T không có ý kiến và vắng mặt, thể hiện chị T không muốn hàn gắn với anh H. Do đó, anh H yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên M, sinh ngày 08/3/2020. Xét thấy, từ khi sống ly thân với chị T, cháu M sống với anh H có xác nhận của chính quyền địa phương (Bút lục 25). Tuy cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nhưng hiện đang sống với anh H ổn định và chị T không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, xét thấy cần thiết giao cho anh H được tiếp tục nuôi con để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Hoàng Thiên M, sinh ngày 08/3/2020 cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi. Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024779 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Tuyền**

